TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ NINH** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/12/2022
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 155/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 2002;

Bị đơn: Anh Tạ Văn T1, sinh năm 1988;

Đều trú tại: Khu 5, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ,

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Văn T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ ngày 09/11/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại khu 5, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ cùng bố mẹ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh T1 chơi bời, nợ nần, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị đã chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4 năm 2021, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị

T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Minh Đ, sinh ngày 01/12/2020, hiện nay cháu Đ đang ở với chị T. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đ, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tạ Văn T1 không đến Tòa án để làm việc, không có lời khai gửi cho Tòa án.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:

Tòa án xác minh tại Công an xã L thì hiện nay anh T1 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ, chưa làm thủ tục tạm vắng, tạm trú đi nơi khác. Ông Tạ Văn Trình là bố đẻ của anh T1, có cùng hộ khẩu với anh T1.

Tòa án xác minh đối với ông Tạ Văn Trình được ông thừa nhận: anh T1 là con đẻ và có cùng hộ khẩu, nơi cư trú với ông. Ban ngày anh T1 đi làm, không có mặt ở nhà nên ông Trình nhận thay và cam kết giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T1. Anh T1 đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng vì sao anh không đến Tòa án làm việc thì ông không biết.

Ông Trình cho biết anh T1 và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn, cãi vã, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng anh, chị không giải quyết được mâu thuẫn. Nay anh T1 và chị T đã không còn tình cảm và chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2021. Anh T1 nói với ông là vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn. Anh T1 và chị T có 01 con chung là cháu Tạ Minh Đ, sinh ngày 01/12/2020. Về yêu cầu khởi kiện của chị T thì ông không liên quan đến việc riêng của vợ chồng anh, chị nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị T, cho chị T được ly hôn anh Tạ Văn T1. Giao cháu Tạ Minh Đ, sinh ngày 01/12/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ thành niên, lao động tự túc được.

Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, về nợ chung và công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tham gia tố tụng của bị đơn: Căn cứ vào kết quả xác minh đối với bố đẻ của bị đơn đang sinh sống cùng nhà và tại Công an xã L thì có đủ căn cứ xác định bị đơn vẫn cư trú tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã nhiều lần đến tận nhà giao thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng bị đơn đều cố tình trốn tránh nên Tòa án đã giao các văn bản tố tụng này cho bố đẻ của bị đơn, ông Trình đã cam kết giao tận tay bị đơn. Như vậy, việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là hợp pháp.

Dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn không có mặt để tham gia phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là không vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Do điều kiện ở xa, đã tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng bị đơn không có mặt nên tại phiên tòa lần 2, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ ngày 09/11/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do bị đơn chơi bời, nợ nần, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Điều này là phù hợp với kết quả thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án đối với ông Tạ Văn Trình (là bố đẻ của bị đơn), UBND xã L và Hội phụ nữ xã về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn biết được nguyên đơn viết đơn xin ly hôn đã được Tòa án thụ lý nhưng không có

bất kỳ động thái nào để giải quyết mâu thuẫn, vun đắp cuộc sống hôn nhân. Do đó, thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhận không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp.

- Xét yêu cầu khởi kiện về con chung thấy rằng:

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Minh Đ, sinh ngày 01/12/2020. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm, con chung dưới 36 tháng tuổi và nguyên đơn có đủ điều kiện nuôi con, không vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Hơn nữa, bị đơn cố tình trốn tránh, không đến Tòa án làm việc, không có bản khai nên Tòa án không thể biết được bị đơn có nguyện vọng được nuôi cong chung hay không. Do đó, căn cứ vào các quy định của của pháp luật, cần giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, lao động tự túc được là có căn cứ và phù hợp.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị T.

Cho chị Lường Thị T được ly hôn anh Tạ Văn T1.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Minh Đ, sinh ngày 01/12/2020 cho chị Lường Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001522 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã L, P, Phú Thọ;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hường